

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY HỢP DANH</b>	5		
1.1. Sự hình thành và phát triển công ty hợp danh trên thế giới	5		
1.1.1. Lịch sử hình thành công ty hợp danh trên thế giới	5		
1.1.2. Khái niệm về công ty hợp danh theo pháp luật của một số quốc gia	7		
1.1.3. Đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh theo pháp luật một số quốc gia	9		
1.1.4. Vai trò của công ty hợp danh	21		
1.2. Sự hình thành và phát triển công ty hợp danh tại Việt Nam	22		
1.2.1. Lịch sử hình thành	22		
1.2.2. Khái niệm và đặc điểm	26		
1.2.2.1. Khái niệm	26		
1.2.2.2. Đặc điểm	28		
<b>Chương 2: PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÔNG TY HỢP DANH</b>	30		
2.1. Những vấn đề pháp lý chủ yếu của công ty hợp danh	30		
2.1.1. Thành lập công ty hợp danh	30		
2.1.2. Thành viên	33		
2.1.2.1. Thành viên hợp danh	34		
2.1.2.2. Thành viên góp vốn	38		
2.1.3. Vốn trong công ty hợp danh	41		
2.1.3.1. Vốn điều lệ và huy động vốn	42		
2.1.3.2. Vấn đề chuyển nhượng vốn, rút vốn	44		
2.1.4. Tư cách pháp lý của công ty hợp danh	46		
2.1.5. Cơ cấu tổ chức, quản lý trong công ty hợp danh	48		
2.1.6. Giải thể, phá sản công ty hợp danh	51		
2.2. Những ưu thế và hạn chế của công ty hợp danh so với các loại hình công ty khác	56		
2.2.1. Ưu thế	56		
2.2.2. Hạn chế	58		
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN HƠN NỮA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY HỢP DANH</b>	61		
3.1. Thực trạng về công ty hợp danh tại Việt Nam	61		
3.2. Những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về công ty hợp danh	72		
<b>KẾT LUẬN</b>	75		
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	76		

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Một trong những đặc trưng của nền kinh tế thị trường nước ta là có nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại song song, cụ thể Hiến pháp 1992 ghi nhận các thành phần kinh tế sau: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mặc dù Đảng và Nhà nước chủ trương ưu tiên phát triển các thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, song tốc độ tăng trưởng của hai thành phần này lại thấp hơn so với kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục thống kê năm 2007, kinh tế nhà nước mặc dù chiếm một phần lớn trong tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội nhưng chỉ đóng góp 37-39% GDP thực tế, trong khi đó khu vực kinh tế tư nhân là 45 - 47%.

Sự đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, một khu vực kinh tế được đánh giá là trẻ trung và năng động đã khiến cho các nhà hoạch định chính sách nói chung và chính sách pháp luật nói riêng phải gấp rút hoàn thiện chính sách của mình.

Luật Doanh nghiệp 1999 ra đời tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong khu vực kinh tế tư nhân có nhiều cơ hội hơn khi lựa chọn mô hình kinh doanh cho mình, Bằng sự đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là việc lần đầu tiên ghi nhận thêm một loại hình doanh nghiệp mới là công ty hợp danh đã tạo thêm cơ hội cho người dân thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình.

Đối với một quốc gia đang trong quá trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới thì môi trường pháp lý nói chung và trong hoạt động kinh doanh nói riêng vô cùng quan trọng. Chính vì vậy việc liên tục hoàn thiện chính sách pháp luật kinh tế, trong đó có pháp luật về doanh nghiệp luôn là nhiệm vụ trọng tâm. Luật Doanh nghiệp 2005 thay thế Luật Doanh nghiệp 1999 đã góp phần hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Riêng đối với công ty hợp danh, từ chỗ chỉ được quy định khiêm tốn trong bốn điều khoản tại Luật Doanh nghiệp 1999, đã được nâng lên mười điều khoản

trong Luật Doanh nghiệp 2005 (sửa đổi bổ sung 2009). Mô hình công ty này đã được quy định chi tiết rõ ràng hơn, phù hợp với tình hình kinh tế đất nước. Tuy nhiên, những quy định ấy vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, chưa phát huy được hết những điểm mạnh vốn có của loại hình công ty này.

Xét về thời gian, thì công ty hợp danh là một trong những loại hình doanh nghiệp ra đời sớm nhất trên thế giới, nhưng với Việt Nam, mới chỉ được chính thức tồn tại đúng với tên gọi của nó trong 10 năm. Tuy chưa lâu, nhưng cũng không thể coi là mới mẻ, xa lạ để các nhà đầu tư ngoài nước với mô hình này, nhưng trên thực tế, số lượng công ty hợp danh đang hoạt động hiện nay quá ít.

Theo số liệu thống kê của Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội, tính đến đầu năm 2007, số công ty hợp danh đang hoạt động trên toàn quốc là 31 trên tổng số 131.318 doanh nghiệp - một con số quá ít ỏi so với ưu thế của loại hình công ty này. Có rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, và một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiện tượng trên là môi trường pháp lý chưa thuận lợi, cụ thể là những quy định của pháp luật về công ty hợp danh chưa tạo được tiền đề, động lực để các nhà đầu tư thấy sự hấp dẫn khi lựa chọn mô hình này. Thậm chí có những quy định còn cản trở sự phát triển của chúng.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài "**Pháp luật Việt Nam về công ty hợp danh**" với mong muốn làm sáng tỏ những đặc điểm, bản chất pháp lý của loại hình công ty này, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp nói chung và công ty hợp danh nói riêng.

### 2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

#### 2.1. Mục đích

Từ sự phân tích, đánh giá thực trạng của công ty hợp danh ở nước ta hiện nay, luận văn nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản, những vấn đề bản chất của loại hình công ty này để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty hợp danh.

#### 2.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của công ty hợp danh và pháp luật về công ty hợp danh

- Rút ra những kết luận về bản chất pháp lý của công ty hợp danh
- So sánh những kết luận về bản chất pháp lý của công ty hợp danh với những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Phân tích vai trò, đánh giá thực trạng của công ty hợp danh và đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về công ty hợp danh.

### **3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn**

- Luận văn sử dụng phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra, luận văn có tham khảo các công trình nghiên cứu, bài viết có liên quan đã được công bố.
- Luận văn còn sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, so sánh, đối chiếu, khái quát hóa, thống kê...

### **4. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Phân tích, đánh giá một cách toàn diện những đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh nhằm đưa ra những điểm mạnh của loại hình công ty này so với các công ty khác.
- Góp phần vào việc đưa ra những cơ sở khoa học pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của pháp luật về doanh nghiệp nói chung và công ty hợp danh nói riêng cho các nhà đầu tư theo xu hướng thông thoáng và cởi mở.
- Hy vọng các giải pháp mà đề tài đề xuất sẽ góp phần cung cấp thông tin và ý nghĩa cho các nhà hoạch định pháp luật cũng như các nhà đầu tư để nâng cao hơn nữa số lượng và hiệu quả hoạt động của công ty hợp danh trong nền kinh tế Việt Nam thời kỳ hội nhập và phát triển.

### **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

*Chương 1:* Khái quát chung về công ty hợp danh.

*Chương 2:* Pháp luật Việt Nam về công ty hợp danh.

*Chương 3:* Thực trạng và những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về công ty hợp danh.

## **Chương 1** **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY HỢP DANH**

### **1.1. Sự hình thành và phát triển công ty hợp danh trên thế giới**

#### **1.1.1. Lịch sử hình thành công ty hợp danh trên thế giới**

Một trong những loại hình công ty có mặt sớm nhất trong lịch sử đó là công ty hợp danh. Người ta đã tìm thấy những quy định về sự hợp danh theo nghĩa rộng trong các bộ luật thời cổ đại như Bộ luật Hammurabi của Babylon vào khoảng năm 2300 trước Công nguyên.

Ở châu Âu, Châu Á, tập quán kinh doanh của các thương nhân, sự liên kết những phường, hội người buôn là tiền đề ban đầu hình thành nên những hình thức hợp danh sau này.

Ban đầu, công ty chỉ là những liên kết giản đơn của các thương nhân quen biết nhau. Sự quen biết dựa trên yếu tố nhân thân tạo nên sự tin cậy về mặt tâm lý. Do đó, loại hình công ty đầu tiên ra đời trên thế giới là công ty đối nhân, tức là công ty gồm các thành viên quen biết tin cậy nhau liên kết lại, yếu tố con người quan trọng hơn yếu tố vốn.

Đặc điểm cơ bản của công ty đối nhân là không có sự tách bạch tài sản công ty với tài sản cá nhân. Các dạng của công ty đối nhân gồm công ty hợp danh, công ty hợp vốn đơn giản và công ty hợp vốn theo cổ phần.

Như vậy công ty hợp danh là loại hình đặc trưng của công ty đối nhân. Các nhà nghiên cứu cho rằng đây là loại hình công ty ra đời sớm nhất trên thế giới.

#### **1.1.2. Khái niệm về công ty hợp danh theo pháp luật của một số quốc gia**

Mỗi quốc gia có cách quy định khác nhau về công ty hợp danh, nhưng tựu chung lại về bản chất ta đều thấy những biểu hiện sau: Đây là loại hình công ty đối nhân, và yếu tố nhân thân của các thành viên công ty luôn được đặt ra đầu tiên. Công ty có thể có tư cách pháp nhân hoặc không có tùy theo quy định của mỗi nước. Thành viên trong công ty có thể chỉ có thành viên hợp danh hoặc có cả thành viên góp vốn. Nhưng điểm chung trong quy định của pháp luật các nước là không có sự tách bạch về tài sản của công ty với tài sản của các thành viên hợp danh và các thành viên này phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các nghĩa vụ của công ty.

Tóm lại, có thể xây dựng một khái niệm khái quát về công ty hợp danh như sau: *Công ty hợp danh là một dạng liên kết mang bản chất đối nhân, thường không có tư cách pháp nhân. Các thành viên trong công ty có thể chỉ có thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn hoặc bao gồm cả thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn trong phần vốn góp của mình vào công ty.*

### **1.1.3. Đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh theo pháp luật một số quốc gia**

Không có định nghĩa chung về công ty hợp danh, do đó đương nhiên không có những quy định khuôn mẫu, thống nhất về đặc điểm pháp lý của loại hình liên kết này trong các hệ thống pháp luật trên thế giới. Luật pháp mỗi nước đều đưa ra những quy chế pháp lý riêng cho công ty hợp danh. Tuy nhiên, tựu trung lại, các quy định đều tương đối đồng nhất với nhau ở một số đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất*, yếu tố nhân thân của các thành viên hợp danh luôn giữ vai trò quan trọng và quyết định trong việc hình thành và hoạt động của công ty.

*Thứ hai*, về chế độ trách nhiệm của các thành viên trong công ty. Nếu trong công ty hợp danh có bản chất đối nhân tuyệt đối, thì trách nhiệm của tất cả các thành viên là vô hạn và liên đới trước mọi nghĩa vụ của công ty. Đây là một đặc trưng cơ bản của công ty hợp danh nói riêng và công ty đối nhân nói chung.

Ngoài chế độ trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh, loại hình công ty hợp danh có bản chất đối nhân tương đối còn có chế độ trách nhiệm hữu hạn của các thành viên góp vốn. Vốn góp bao nhiêu thì trách nhiệm tương ứng bấy nhiêu đối với các khoản nợ của công ty.

*Thứ ba*, tư cách pháp lý của thành viên hợp danh không thể chuyển nhượng hay để lại thừa kế (trừ khi được các thành viên đồng ý). Điều này xuất phát từ bản chất đối nhân của công ty. Vì thế, khi một thành viên ra khỏi công ty, hoặc chết thì công ty đó có thể sẽ phải giải thể.

*Thứ tư*, tên gọi của công ty hợp danh phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa các thành viên hợp danh, và thường liên quan đến nhân thân của thành viên.

#### **1.1.4. Vai trò của công ty hợp danh**

Là một trong những loại hình công ty xuất hiện sớm nhất trong lịch sử, và cho đến ngày nay vẫn tiếp tục phát triển về số lượng, điều này cho thấy vai trò vô cùng quan trọng của công ty hợp danh trong nền kinh tế. Bên cạnh

vai trò chung như các công ty khác, công ty hợp danh còn có vai trò riêng khiến cho nó không thể thiếu được trong môi trường kinh doanh.

Trước hết, sự ra đời của công ty hợp danh đáp ứng được nhu cầu của những nhà đầu tư nhỏ, mong muốn cùng liên kết chia sẻ với những người quen thân, anh em họ hàng trong gia đình, dòng tộc, đồng nghiệp.

Công ty hợp danh ra đời cũng đáp ứng được nhu cầu kinh doanh cũng như sử dụng các dịch vụ như khám chữa bệnh, tư vấn thiết kế công trình xây dựng, kiểm toán, tư vấn luật... những ngành nghề đòi hỏi phải có tính nghiêm túc và trách nhiệm cao của những người hành nghề

Công ty hợp danh cũng có vai trò quan trọng trong việc làm phong phú thêm kênh huy động vốn cho nền kinh tế, thêm sự lựa chọn cho các nhà đầu tư, những người giỏi về kiến thức, trình độ quản lý, kinh nghiệm kinh doanh nhưng không có vốn, và những người có vốn nhưng không giỏi kinh doanh.

Công ty hợp danh là sự kết hợp hoàn hảo của hai nhóm đối tượng trên, tạo ra sự tương hỗ lẫn nhau trong việc phát triển kinh tế của công ty nói chung và của từng thành viên nói riêng.

## **1.2. Sự hình thành và phát triển công ty hợp danh tại Việt Nam**

### **1.2.1. Lịch sử hình thành**

Lịch sử phát triển kinh tế nước ta mang đặc trưng là kinh tế nông nghiệp chiếm giữ vị trí chủ đạo, hoạt động thương mại vốn không phải là thế mạnh. Thương mại Việt Nam chủ yếu diễn ra ở các chợ, tổ chức sơ sài, quan hệ kinh doanh mang tính chất gia đình. Bởi vậy, các loại hình công ty ra đời muộn so với các nước trên thế giới, trong đó có công ty hợp danh. Mãi đến tận thế kỷ XIX, theo chân thực dân Pháp, người dân Việt Nam được làm quen với các mô hình công ty

Các bộ Dân luật: Dân luật Bắc Kỳ (1931), Dân luật Trung Kỳ (1936) đã dịch các mô hình công ty dưới tên gọi "hội buôn", "hội người", "hội vốn", "hội đồng lợi"... nhằm phân biệt chúng với các hội khác không kinh doanh. Theo "Dân luật thi hành tại các tòa Nam án Bắc Kỳ" năm 1931, công ty hợp danh dưới tên gọi "Hội người" được chia làm hai loại Hội hợp danh và Hội hợp tư.

Dưới thời chính quyền vua Bảo Đại, Bộ luật thương mại Trung phần năm 1944 được ban hành và áp dụng tại miền Trung, tuy có sửa đổi bổ sung

nhưng về cơ bản những quy định về công ty hợp danh vẫn giống so với quy định trong luật Thương mại Pháp áp dụng tại Việt Nam.

Trước năm 1975, ở miền Nam Việt Nam áp dụng Bộ luật thương mại Sài Gòn, công ty hợp danh được gọi đúng như tên gọi hiện nay, và những quy định tương tự quy định trong luật thương mại Pháp.

Miền Bắc Việt Nam được giải phóng năm 1954, chủ trương của Nhà nước là thực hiện nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo nên các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh không được thừa nhận. Các loại hình công ty theo đúng nghĩa thương mại đã bị lãng quên trong các văn bản pháp luật và không xuất hiện trong giai đoạn từ sau năm 1960 đến trước năm 1990.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), nghị quyết của Đảng đã định hướng lại chủ trương phát triển kinh tế đất nước, đó là chuyển nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng các thành phần kinh tế, ghi nhận hình thức sở hữu tư nhân.

Sự ra đời của Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990 đánh dấu sự ghi nhận chính thức của pháp luật về công ty. Tuy nhiên, Luật công ty năm 1990 có nhiều hạn chế do được ban hành trong những năm đầu của công cuộc đổi mới. Các quy định về công ty chưa cụ thể, và chưa có công ty hợp danh trong các văn bản pháp luật trên.

Luật Doanh nghiệp 1999 trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm trên thế giới, đồng thời khắc phục những hạn chế của các văn bản luật trước đó, đã có sự phát triển vượt bậc về chất lượng. Một trong những điểm mới nhất của văn bản này là ghi nhận sự tồn tại của hai loại hình công ty mới, công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Luật Doanh nghiệp 2005 thay thế Luật Doanh nghiệp 1999 hoàn thiện các quy định về công ty hợp danh, tạo cho nó một chỗ đứng vững vàng hơn trong môi trường pháp lý, và có nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho việc phát triển loại hình công ty vốn kén chọn ngành nghề đầu tư và cả người đầu tư này.

### **1.2.2. Khái niệm và đặc điểm**

#### **1.2.2.1. Khái niệm**

Công ty hợp danh theo Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2005 là doanh nghiệp trong đó:

Phải có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (sau đây gọi là thành viên hợp danh), ngoài các thành viên hợp danh có thể có thành viên góp vốn;

Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty;

Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

#### **1.2.2.2. Đặc điểm**

Công ty hợp danh theo pháp luật Việt nam có những đặc điểm như sau:

Mang bản chất đối nhân như các công ty hợp danh trên thế giới.

Về tư cách thành viên, trong công ty hợp danh có thành viên chịu trách nhiệm vô hạn được gọi là thành viên hợp danh, thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn được gọi là thành viên góp vốn. Mỗi loại thành viên có quy chế pháp lý riêng.

Về số lượng thành viên, công ty hợp danh Việt Nam quy định số thành viên hợp danh tối thiểu là hai, quy định này giống như hầu hết các quốc gia.

Công ty hợp danh Việt Nam cũng phải hoạt động dưới tên gọi riêng, tên gọi mang ý nghĩa đặc trưng của loại hình công ty đối nhân.

Đặc điểm cuối cùng là công ty hợp danh Việt Nam có tư cách pháp nhân, là chủ thể độc lập trước pháp luật, tuy nhiên không có sự tách bạch giữa tài sản của công ty với tài sản của thành viên hợp danh, nên không độc lập trong việc chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty. Công ty hợp danh không có quyền phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

## **Chương 2**

### **PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÔNG TY HỢP DANH**

#### **2.1. Những vấn đề pháp lý chủ yếu của công ty hợp danh**

##### **2.1.1. Thành lập công ty hợp danh**

Pháp luật Việt Nam quy định điều kiện thành lập công ty hợp danh cũng là điều kiện chung cho các doanh nghiệp khác. Những yếu tố liên quan đến nhân thân người thành lập như độ tuổi, năng lực hành vi dân sự, nghề nghiệp được quy định cụ thể trong Bộ luật Dân sự, luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn khác. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực

hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh không được phép tham gia thành lập doanh nghiệp.

Độ tuổi theo quy định của pháp luật có đầy đủ khả năng chịu trách nhiệm trước các hợp đồng do mình ký kết là 18 tuổi.

Trong điều kiện về nghề nghiệp, người thành lập phải không thuộc một trong bảy nhóm đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 13 luật Doanh nghiệp 2005.

Người thành lập công ty phải làm hồ sơ đăng ký kinh doanh, chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ, sau đó nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền (phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc tương đương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính)

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh được quy định tại Điều 17 luật Doanh nghiệp 2005, Điều 20 nghị định 43/2010/NĐCP

### **2.1.2. Thành viên**

Luật Doanh nghiệp quy định công ty hợp danh có hai loại thành viên với quy chế pháp lý khác nhau hoàn toàn, đó là thành viên hợp danh và thành viên góp vốn.

#### **2.1.2.1. Thành viên hợp danh**

Số lượng thành viên hợp danh tối thiểu trong công ty là hai.

Điều kiện bắt buộc để trở thành thành viên hợp danh là tư cách cá nhân, nghĩa là các tổ chức, pháp nhân, hộ gia đình, các hội khác không thể trở thành thành viên hợp danh.

Những công ty hợp danh kinh doanh các ngành nghề pháp luật yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề thì tất cả các thành viên hợp danh phải đều phải có chứng chỉ.

Trách nhiệm của thành viên hợp danh đối với các nghĩa vụ của công ty là trách nhiệm vô hạn và liên đới.

Thành viên hợp danh đã chịu trách nhiệm vô hạn trong công ty hợp danh thì không thể chịu trách nhiệm vô hạn trong doanh nghiệp tư nhân hay trong một công ty hợp danh khác.

Thành viên hợp danh không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty đó để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác

Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Mỗi thành viên hợp danh đều có các quyền của chủ công ty.

Các thành viên hợp danh có nghĩa vụ tiến hành quản lý và thực hiện công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và tất cả thành viên.

Trách nhiệm của thành viên hợp danh phát sinh ngay từ khi đăng ký trở thành thành viên công ty, chịu trách nhiệm kể cả khi chưa được hưởng lợi nhuận và kéo dài đến khi thực hiện xong các nghĩa vụ, kể cả khi đã chấm dứt tư cách thành viên.

Tư cách thành viên hợp danh trong công ty chấm dứt khi thành viên đó chết hoặc bị tòa án tuyên đã chết. mất tích hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. ngoài ra, khi thành viên hợp danh rút vốn được sự đồng ý của các thành viên còn lại, hoặc bị khai trừ khỏi công ty, tư cách thành viên cũng chấm dứt. Tư cách thành viên hợp danh không thể chuyển nhượng hay thừa kế.

#### **2.1.2.2. Thành viên góp vốn**

Luật Doanh nghiệp không quy định thành viên góp vốn phải là cá nhân, do đó ngoài cá nhân, thì các tổ chức, pháp nhân, các hội đều có quyền góp vốn và trở thành thành viên trong công ty hợp danh (loại trừ những trường hợp tại khoản 4 Điều 13 luật Doanh nghiệp 2005 gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình; Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức).

Thành viên góp vốn chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty, tức là chịu trách nhiệm hữu hạn, không liên đới.

Thành viên góp vốn cũng không cần phải có chứng chỉ hành nghề hay phải qua đào tạo đúng chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty.

Xuất phát từ tính chịu trách nhiệm hữu hạn của thành viên góp vốn, nên Luật không trao quyền quản lý điều hành công ty cho họ.

Trong quan hệ với bên thứ ba, thành viên góp vốn cũng không có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

Pháp luật hiện hành chưa dự liệu trường hợp thành viên góp vốn cố tình thực hiện các hoạt động mượn danh công ty. Luật Doanh nghiệp Việt Nam chỉ quy định nghĩa vụ của thành viên góp vốn là tuân thủ Điều lệ, nội quy công ty và quyết định của Hội đồng thành viên. Trong trường hợp Điều lệ công ty không đề cập đến vấn đề trên thì sẽ khó để yêu cầu trách nhiệm của thành viên góp vốn.

Tư cách thành viên góp vốn trong công ty hợp danh phát sinh từ khi đăng ký góp vốn và kết thúc khi họ rút vốn góp hoặc chuyển nhượng vốn góp cho người khác.

Pháp luật cũng không quy định cụ thể các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên như đối với thành viên hợp danh. Như vậy việc chấm dứt tư cách thành viên góp vốn hầu như do họ tự quyết định trừ trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết hợp có thể bị khai trừ khỏi công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên

Về số lượng thành viên góp vốn, không có quy định nào về số lượng tối thiểu và tối đa, quyền quyết định thuộc về hội đồng thành viên công ty.

### **2.1.3. Vốn trong công ty hợp danh**

#### **2.1.3.1. Vốn điều lệ và huy động vốn**

Vốn điều lệ là số vốn do tất cả thành viên góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.

Là một loại hình công ty mang bản chất đối nhân, lại tồn tại hai loại thành viên với quy chế pháp lý khác nhau, nên vốn góp trong công ty hợp danh có điểm khác so với các công ty đối vốn. Vốn góp của thành viên hợp danh ngoài các yếu tố vật chất tồn tại dưới dạng tiền, tài sản như vốn góp của các loại hình công ty khác hay như vốn góp của thành viên góp vốn, còn tồn tại dưới dạng phi vật chất, đó là những yếu tố như uy tín nghề nghiệp, kinh nghiệm, danh tiếng, tên riêng, những yếu tố gắn liền với nhân thân thành viên, và chỉ có thể có ở thành viên hợp danh. Loại vốn góp này tạo nên nét đặc trưng riêng biệt của công ty hợp danh.

Đối với các loại vốn góp bằng tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất, thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.

Thành viên sẽ được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp tại thời điểm góp đủ vốn như đã cam kết.

Khoản 3 Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Do đó công ty hợp danh có thể huy động vốn bằng cách khác như tăng vốn góp của các thành viên trong công ty, tiếp nhận thành viên mới, hoặc kêu gọi các tổ chức cá nhân đầu tư góp vốn

#### **2.1.3.2. Vấn đề chuyển nhượng vốn, rút vốn**

Pháp luật quy định rất chặt chẽ đối với việc chuyển nhượng vốn của các viên hợp danh. Một thành viên muốn chuyển nhượng vốn góp cần phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên hợp danh còn lại. Nếu chuyển nhượng toàn bộ vốn góp, có nghĩa là người nhận chuyển nhượng sẽ tiếp nhận luôn tư cách thành viên, các quyền và nghĩa vụ của thành viên chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng (loại trừ các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chuyển nhượng, thành viên chuyển nhượng vẫn tiếp tục liên đới chịu trách nhiệm).

Việc rút vốn của thành viên hợp danh cũng phải tuân thủ theo các quy định chặt chẽ của pháp luật, của điều lệ công ty. Trước hết, phải được thông qua và được sự đồng ý của Hội đồng thành viên, và phải lựa chọn thời điểm hợp lý. Chỉ được rút vốn sau khi kết thúc năm tài chính và đã thông qua báo cáo tài chính của năm tài chính. Sau khi rút khỏi công ty, phần vốn góp của thành viên hợp danh được hoàn trả theo quy định tại điều lệ công ty, hoặc theo giá thỏa thuận giữa các thành viên. Thành viên hợp danh sau khi rút vốn vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty trước khi thực hiện việc đăng ký chấm dứt tư cách thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trái ngược với thành viên hợp danh, vấn đề chuyển nhượng hoặc rút vốn của thành viên góp vốn không bị ràng buộc nhiều bởi pháp luật. Họ được quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho bất kỳ người nào nếu điều lệ công ty không hạn chế

Thành viên góp vốn có quyền định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, trường hợp chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành thành viên góp vốn của công ty. Khi chuyển nhượng toàn bộ hoặc cho tặng vốn góp, tư cách thành viên của họ chấm dứt ngay, không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào của công ty.

#### **2.1.4. Tư cách pháp lý của công ty hợp danh**

Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Khoản 2 Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2005).

Giống như pháp luật các nước trên thế giới, Bộ luật Dân sự Việt Nam quy định một tổ chức có tư cách pháp nhân phải có đầy đủ các dấu hiệu sau: Được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Có thể nhận thấy ngay việc công ty hợp danh không thỏa mãn điều kiện có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm với tài sản đó. Thực chất, các tổ chức có tư cách pháp nhân khác tổ chức không có tư cách pháp nhân chủ yếu ở việc tự chịu trách nhiệm độc lập bằng tài sản riêng, hay nói cách khác là chế độ trách nhiệm hữu hạn. Về mặt lý thuyết không thể chứng minh được công ty hợp danh là một thực thể pháp lý độc lập.

Xem xét pháp luật các nước trên thế giới, ta thấy có hầu hết các nước không quy định tư cách pháp nhân cho công ty hợp danh mà xem chúng như một dạng hợp đồng đặc biệt.

Như vậy, Luật Doanh nghiệp Việt Nam dù mâu thuẫn với Bộ luật Dân sự, nhưng nhằm mục đích khuyến khích loại hình doanh nghiệp đã không còn mới mẻ nhưng lại ít phát triển về số lượng này mà các nhà làm luật đã quy định tư cách pháp nhân cho nó. Thực sự điều đó có đem lại hiệu quả cho công ty hợp danh không? Chúng ta sẽ đề cập đến vấn đề này trong chương sau.

#### **2.1.5. Cơ cấu tổ chức, quản lý trong công ty hợp danh**

Hội đồng thành viên là cơ quan cao nhất trong việc quản lý và điều hành hoạt động của công ty hợp danh. Hội đồng thành viên gồm tất cả các thành viên tham gia.

Tuy thành phần trong Hội đồng thành viên bao gồm cả thành viên góp vốn, nhưng quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên chỉ thuộc về thành viên hợp danh.

Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm giám đốc, tổng giám đốc nếu điều lệ không quy định khác.

Chủ tịch hội đồng thành viên có nhiệm vụ quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty với tư cách là thành viên hợp danh

Giám đốc có nhiệm vụ phân công công việc kinh doanh giữa các thành viên hợp danh.

Các thành viên hợp danh cùng nhau điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Khi một số hoặc tất cả các thành viên hợp danh cùng thực hiện công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số.

Trong hoạt động kinh doanh của công ty, tất cả các thành viên hợp danh đều có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

Thành viên hợp danh phân công đảm nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát hoạt động công ty.

Mỗi thành viên hợp danh đều có quyền kiểm tra, giám sát, yêu cầu cung cấp thông tin từ công ty và thành viên hợp danh khác về tình hình kinh doanh, tài sản, sổ sách kế toán và các thông tin khác khi cần thiết.

#### **2.1.6. Giải thể, phá sản công ty hợp danh**

Công ty hợp danh ra đời do sự thỏa thuận của các thành viên, do đó việc kết thúc thời hạn hoạt động của công ty ghi trong điều lệ công ty là một trong các trường hợp dẫn đến sự kiện pháp lý là giải thể công ty. Nếu hết thời hạn theo thỏa thuận ghi trong điều lệ mà các thành viên không thỏa thuận thêm và không xin gia hạn thì công ty sẽ bị giải thể.

Theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp, công ty hợp danh cũng có thể giải thể mà không cần đợi đến khi hết hạn trong điều lệ công ty, chỉ cần có quyết định của tất cả các thành viên hợp danh. Trường hợp này là giải thể khi công ty đang hoạt động, vì một lý do nào đó như hiệu quả kinh doanh không cao, các thành viên bất hợp tác với nhau hoặc bất kỳ lý do gì nếu thấy sự tồn tại của công ty là không cần thiết nữa.

Một trong những điều kiện thành lập công ty hợp danh là phải có ít nhất hai thành viên hợp danh trở lên. Do đó, nếu trong quá trình hoạt động công ty không đủ số thành viên theo quy định cũng sẽ phải giải thể.

Cũng như các doanh nghiệp khác, công ty hợp danh bị giải thể khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh. Đây là trường hợp giải thể bắt buộc



Trình tự thủ tục giải thể công ty hợp danh được thực hiện theo trình tự giải thể chung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp cho tất cả các doanh nghiệp.

Một trong những điều kiện để tiến hành thủ tục giải thể công ty hợp danh là các khoản nợ của công ty phải được thanh toán hết. Nếu như các thành viên hợp danh đã dùng hết tài sản riêng của mình để thanh toán nhưng vẫn không trả hết nợ thì bắt buộc phải chuyển sang thủ tục phá sản công ty.

## **2.2. Những ưu thế và hạn chế của công ty hợp danh so với các loại hình công ty khác**

### **2.2.1. Ưu thế**

Qua việc phân tích những đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh, có thể rút ra một số điểm mạnh của loại hình này so với các loại hình doanh nghiệp khác.

*Thứ nhất*, là công ty đối nhân điển hình (hầu hết các thành viên đều có mối quan hệ mật thiết với nhau) nên các thành viên đều biết được đặc điểm nhân thân của nhau, do đó giữa các thành viên có sự tin cậy lẫn nhau cao. Loại hình công ty này đặc biệt phù hợp với người phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng.

*Thứ hai*, công ty hợp danh mang lại sự tin cậy cho các đối tác và các khách hàng bởi đối tác và khách hàng cảm thấy được đảm bảo hơn khi giao kết với công ty hợp danh.

*Thứ ba*, trong công ty bao gồm hai loại thành viên, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn và thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn, đặc thù này khiến cho công ty dễ thu hút thành viên, có thể chọn một trong hai loại thành viên phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty hoặc mục đích kinh doanh của công ty.

*Thứ tư*, xuất phát từ sự hợp "danh" của những thành viên có uy tín, có bằng cấp, trình độ nghề nghiệp, cộng với chế độ trách nhiệm vô hạn và liên đới nên công ty rất dễ dàng trong việc vay vốn từ các ngân hàng, tổ chức cá nhân khác.

*Thứ năm*, sự linh hoạt trong các quy định của pháp luật đối với việc tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh. Phạm vi những vấn đề được điều chỉnh dựa trên sự thỏa thuận của các bên là rất rộng.

*Thứ sáu*, cơ cấu tổ chức trong công ty hợp danh rất gọn nhẹ. Trong công ty hợp danh, cơ quan cao nhất là Hội đồng thành viên, ngoài ra luật không quy định bắt buộc về ban kiểm soát. Trong công ty cũng không lập hội đồng quản trị vì không có sự tách bạch giữa quản lý và điều hành.

*Thứ bảy*, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác, thành viên hợp danh trong công ty hợp danh mặc nhiên được xem là có quyền ngang nhau trong việc quyết định các vấn đề của công ty, mà không quan trọng việc vốn góp của ai nhiều hơn

*Thứ tám*, đối với những ngành nghề có tính chất đặc thù, đòi hỏi trách nhiệm cao của người hành nghề như y tế, tư vấn pháp lý, kiểm toán... thì loại hình công ty hợp danh rất phù hợp.

### **2.2.2. Hạn chế**

Mặc dù có khá nhiều ưu thế, song so với các công ty khác, công ty hợp danh còn có một số hạn chế sau:

Mô hình này buộc thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn, tức không giới hạn được rủi ro trong số vốn đã góp vào kinh doanh, và liên đới, tức có thể phải gánh chịu cả những rủi ro cho hành vi của thành viên hợp danh khác trong công ty.

Tuy công ty hợp danh có chế độ trách nhiệm vô hạn, nhưng pháp luật lại quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân. Điều này sẽ dẫn đến sự mâu thuẫn với quy định tại khoản 3 điều 84 Bộ luật dân sự (Pháp nhân phải có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó).

Tất cả những thành viên hợp danh đều phải có những chứng chỉ hành nghề giống nhau (đối với ngành nghề có chứng chỉ) vì các thành viên hợp danh đều là đại diện theo pháp luật của công ty (trong khi các công ty khác luật chỉ đòi hỏi một số thành viên có chứng chỉ là được (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện hay pháp luật quy định).

Việc quản lý, điều hành công ty có thể khó khăn, vì tất cả các thành viên hợp danh đều có quyền dự họp, thảo luận và biểu quyết, thậm chí mỗi thành viên còn có thể có một phiếu biểu quyết với cách thức dân chủ. Cơ chế đồng thuận này làm cho quyết định kinh doanh đôi khi trở nên mất thời gian, mất cơ hội kinh doanh nếu không thống nhất được.

Theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp, thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối về các nghĩa vụ của công ty. Như vậy, pháp nhân sẽ không thể trở thành thành viên của công ty hợp danh.

Thành viên hợp danh không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân, không được tham gia vào các hợp danh khác với tư cách là thành viên hợp danh, nếu không được các thành viên hợp danh khác đồng ý (Khoản 1, 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2005). Đây là một hạn chế đối với thành viên công ty hợp danh, và hạn chế này cũng áp dụng đối với chủ doanh nghiệp tư nhân. Như vậy, chỉ trừ trường hợp doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh, một người có thể thành lập hoặc tham gia thành lập nhiều công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Trong trường hợp thành viên hợp danh muốn chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác, thì phải có sự chấp thuận của tất cả các thành viên hợp danh còn lại. Quy định về chuyển nhượng vốn của thành viên hợp danh chặt chẽ hơn so với công ty trách nhiệm hữu hạn (không yêu cầu phải có sự chấp thuận của tất cả thành viên công ty) và công ty cổ phần (chỉ áp dụng trong trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng phần vốn góp cho người không phải là cổ đông sáng lập khác trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thì phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông)

Mặc dù trong công ty hợp danh, ngoài thành viên hợp danh còn có thành viên góp vốn. Tuy nhiên, trong mối tương quan với địa vị của thành viên góp vốn của loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, tiếng nói của thành viên góp vốn đôi khi rất hạn chế và chỉ mang tính chất tham khảo. Ví dụ như những vấn đề nêu tại khoản 3 Điều 135 Luật Doanh nghiệp phải được ít nhất 3/4 tổng số thành viên hợp danh chấp thuận, như vậy, nếu Điều lệ không có quy định gì và tất cả thành viên góp vốn đều nhất trí, nhưng không có đủ 3/4 thành viên hợp danh chấp thuận thì vấn đề đó cũng không thể được thông qua.

Theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp, các thành viên hợp danh có thể thỏa thuận hạn chế quyền đại diện của một số thành viên; các hạn chế này chỉ có

giá trị với bên thứ ba khi người đó biết về hạn chế đó. Ngoại lệ này có thể giúp các thành viên hợp danh giới hạn trách nhiệm liên đới của mình. Tuy nhiên việc áp dụng chúng trên thực tế sẽ phụ thuộc đáng kể vào quyền giải thích pháp luật của các thẩm phán, nhất là những trường hợp bên thứ ba biết hay buộc phải biết về hạn chế quyền đại diện.

Công ty hợp danh không có quyền phát hành chứng khoán, do đó khả năng huy động vốn không cao.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN HƠN NỮA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY HỢP DANH**

### **3.1. Thực trạng về công ty hợp danh tại Việt Nam**

Hiện nay, các công ty hợp danh chủ yếu hoạt động trong một số lĩnh vực như pháp luật, kiểm toán, vận tải công nghệ: như mua bán thiết bị phần mềm, thiết bị nghiên cứu khoa học; nghiên cứu tư vấn phát triển công nghệ, thương mại; sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa, hàng hóa là nông sản thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mua bán sản phẩm sinh học, hóa chất như thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật... tuy nhiên phổ biến nhất là hai lĩnh vực tư vấn luật và kiểm toán.

Mặc dù có những công ty hợp danh đang hoạt động rất hiệu quả với mô hình có thành viên góp vốn hoặc chỉ có thành viên hợp danh, song số lượng ít ỏi các công ty hợp danh đang hoạt động cho chúng ta thấy, công ty hợp danh không được các nhà đầu tư ưu tiên lựa chọn ở Việt Nam.

Rõ ràng, với những ưu thế của mình, công ty hợp danh đã rất phát triển ở các nước, nhưng ở Việt Nam thì ngược lại.

Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng đáng buồn như vậy?

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan như tâm lý e dè của nhà đầu tư trước những cái mới, hay là mô hình công ty kén chọn lĩnh vực kinh doanh, hay những nguyên nhân tự thân của loại hình công ty đối nhân, thì nguyên nhân cơ bản vẫn là sự bất cập của pháp luật hiện hành. Việc phân

tích làm rõ ràng các nguyên nhân sẽ giúp chúng ta tìm ra giải pháp tốt để công ty phát huy được vai trò và vị thế của mình trong nền kinh tế.

*Thứ nhất*, việc liên đới chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của công ty dẫn đến nhiều rủi ro cho thành viên hợp danh hơn so với việc làm thành viên của công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn. Đây là nguyên nhân tự thân của loại hình công ty mang bản chất đối nhân. Sự khắt khe trong chế độ trách nhiệm buộc các nhà đầu tư phải cân nhắc tính toán kỹ lưỡng trước khi có quyết định tham gia công ty.

Hơn nữa, điều kiện để trở thành thành viên hợp danh đối với những công ty kinh doanh những ngành nghề có tính chất đặc thù, đòi hỏi trách nhiệm cao của người hành nghề như y tế, tư vấn pháp lý, kiểm toán... là phải có chứng chỉ hành nghề. Việc tìm được chủ thể vừa thân thiết, vừa cùng có chuyên môn, chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, lại vừa đồng lòng san sẻ rủi ro trên thực tế không hề đơn giản.

*Thứ hai*, những bất cập về môi trường pháp lý đã khiến cho công ty hợp danh bị thực tiễn từ chối. Không thể phủ nhận vai trò của Luật Doanh nghiệp trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, ngày càng tạo điều kiện thông thoáng hơn về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp phát huy hết khả năng trong môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, vẫn còn những quy định bất hợp lý của pháp luật khiến cho loại hình này chưa được nhân rộng trên thị trường.

Đặc biệt là chính sách thuế đối với công ty và thành viên công ty. Xét về mặt thực tiễn kinh doanh hiện nay, rõ ràng chúng ta thấy khoản thu nhập thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân đã phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp do công ty mang tư cách pháp nhân nhưng thành viên không được hưởng quy chế dành cho thành viên trong tổ chức có tư cách pháp nhân. Sự khó khăn này khiến cho các thành viên hợp danh buộc phải cân nhắc lại loại hình công ty và địa vị pháp lý của mình trong công ty để đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.

*Thứ ba*, về điều kiện trở thành thành viên hợp danh. Điểm b khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp quy định thành viên hợp danh bắt buộc phải là cá nhân. Do đó pháp nhân không thể tham gia thành lập hoặc trở thành thành viên hợp danh của công ty này. Thành viên hợp danh theo pháp luật thương mại Pháp, Mỹ không hạn chế là cá nhân, mà còn bao gồm cả pháp nhân. Từ

đó có thể hình thành mô hình kinh doanh kết hợp, cho phép tránh được trách nhiệm vô hạn của cá nhân thành viên mà vẫn có thể khai thác được những điểm mạnh của công ty hợp danh. Ví dụ: một công ty hợp danh có tất cả các thành viên hợp danh là pháp nhân song thực ra, việc điều hành công ty do các cá nhân là người đứng đầu pháp nhân thành viên thực hiện. Vì thế mà mặc dù quy trình, thủ tục thành lập công ty hợp danh ở Pháp rất nghiêm ngặt, song công ty hợp danh vẫn chiếm một số lượng đáng kể trong nền kinh tế Pháp.

### **3.2. Những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về công ty hợp danh**

Qua việc phân tích những quy định của pháp luật trong nước và thế giới, cùng với những đánh giá về những ưu điểm và hạn chế của công ty hợp danh, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa quy chế pháp lý của công ty hợp danh.

*Thứ nhất*, cần làm rõ khái niệm công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp năm 2005. Một là, phân biệt rõ ràng hai loại hình công ty với các tên gọi khác nhau, tránh sự nhầm lẫn giữa công ty hợp danh (*general partnership hay simply partnership*) và công ty hợp vốn đơn giản (*limited partnership*). Hai là, quy định tách bạch hai loại hình công ty hợp danh giống như một số nước trên thế giới, đó là hợp danh vô hạn và hợp danh hữu hạn. Mỗi loại hình liên kết sẽ có quy chế pháp lý cụ thể để các nhà đầu tư hiểu rõ về bản chất cũng như cách thức tổ chức, điều kiện hoạt động và giải thể của công ty.

*Thứ hai*, đối với công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp đặc thù, công ty có tư cách pháp nhân nhưng các thành viên hợp danh lại chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của công ty (Điểm đ, khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp), Luật nên có những quy định đặc thù khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, hoặc có quy định ưu đãi về các khoản chi được khấu trừ đối với công ty hợp danh để các thành viên hợp danh đảm bảo được năng lực tài chính của mình, có thể duy trì được công việc kinh doanh và sự tồn tại của loại hình doanh nghiệp vốn dĩ đang rất kém phát triển ở Việt Nam.

*Thứ ba*, nên ban hành danh mục các ngành nghề kinh doanh bắt buộc phải thành lập công ty hợp danh, đặc biệt là việc kinh doanh các dịch vụ. Đối với những doanh nghiệp đã, đang hoạt động kinh doanh các dịch vụ, cần

phải chuyển đổi sang mô hình công ty hợp danh chúng ta nên thực hiện theo lộ trình để tránh sự xáo trộn trong hoạt động kinh doanh. Giải pháp này nhằm đảm bảo về mặt lợi ích cho người tiêu dùng và nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp đối với những người cung cấp dịch vụ, từ đó đem lại sự bình ổn cho xã hội. Luật Công chứng năm 2006, tại khoản 1 Điều 26 đã quy định về vấn đề này, cụ thể khi thành lập văn phòng công chứng, nếu có từ hai công chứng viên trở lên thì phải thành lập công ty hợp danh. Pháp lệnh Luật sư năm 2001 tại Điều 17 cũng quy định về hình thức tổ chức hành nghề luật sư bao gồm văn phòng luật sư và công ty luật hợp danh. Cần phải tăng thêm quy định ở các ngành nghề khác, trong các văn bản pháp luật khác.

*Thứ tư*, là mở rộng điều kiện trở thành thành viên hợp danh bằng cách cho phép pháp nhân tham gia. Hiện nay Luật Doanh nghiệp năm 2005 chỉ cho phép cá nhân tham gia làm thành viên hợp danh. Trong khi mô hình công ty hợp danh lại rất thích hợp với việc thành lập chi nhánh chung giữa các công ty, tập đoàn vì có cơ cấu gọn nhẹ, linh hoạt. Luật đã quy định tư cách pháp nhân của công ty thì không có lý gì lại không cho các pháp nhân tham gia vào công ty với tư cách thành viên hợp danh. Việc mở rộng thêm đối tượng pháp nhân sẽ khiến cho các công ty có thể sử dụng hình thức công ty hợp danh để lập ra chi nhánh chung hoặc để kiểm soát một hoặc nhiều công ty cùng nhau khai thác một cơ hội kinh doanh nào đó.

*Thứ năm*, cũng liên quan đến sự nới lỏng các điều kiện thành lập công ty hợp danh, đó là thay vì quy định phải có ít nhất hai thành viên hợp danh mới được thành lập công ty, luật nên quy định chỉ cần một thành viên hợp danh và ít nhất một thành viên góp vốn là đủ điều kiện thành lập. Quy định như vậy sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho những nhà đầu tư độc lập.

*Thứ sáu*, khi luật doanh nghiệp đã quy định tư cách pháp nhân cho công ty hợp danh, nên quy định thêm quyền phát hành các loại chứng khoán huy động vốn giống như công ty trách nhiệm hữu hạn, để tạo điều kiện cho các thành viên là thành viên hợp danh nhưng không có nhiều vốn kinh doanh và cũng không muốn chia sẻ công ty với các thành viên góp vốn vì nhiều lý do.

*Thứ bảy*, bổ sung thêm các quy định để nâng cao địa vị cũng như tiếng nói của thành viên góp vốn trong mối tương quan với địa vị của thành viên góp vốn của loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

## KẾT LUẬN

Công ty hợp danh đã không còn mới mẻ và xa lạ gì đối với nhận thức chung của xã hội cũng như đối với giới kinh doanh nước ta. Tồn tại trên phương diện lý luận hơn chục năm, trên thực tiễn khoảng 6, 7 năm nhưng số lượng công ty hợp danh đang hoạt động vẫn không vượt quá con số 30. Để công ty hợp danh thực sự trở thành mô hình kinh doanh phát huy vai trò và tác dụng đối với nền kinh tế cần phải có một nền tảng pháp lý ổn định và vững chắc. Việc tiếp tục sửa đổi bổ sung pháp luật liên quan đến công ty hợp danh để công ty hợp danh thực sự trở nên hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư, góp phần đa dạng hóa các hình thức kinh tế, tạo lập được một cơ chế góp vốn linh hoạt mềm dẻo, qua đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội nói chung là việc làm hết sức cần thiết.

Trên quan điểm đó, luận văn đã đi vào nghiên cứu đề tài này với các nhiệm vụ chủ yếu là phân tích về mặt lý luận các đặc điểm pháp lý chủ yếu của công ty hợp danh, từ đó nêu lên những mặt mạnh, ưu thế của loại hình doanh nghiệp này so với các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động của loại hình doanh nghiệp này để chỉ ra những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành, từ đó đề xuất một số giải pháp cụ thể cho việc hoàn thiện khung pháp lý về doanh nghiệp nói chung và công ty hợp danh nói riêng.

Mặc dù luận văn đã có sự so sánh nghiên cứu với pháp luật trong nước và thế giới, cũng như tìm hiểu thực tiễn hoạt động của một số công ty hợp danh đang hoạt động, nhưng do điều kiện tiếp cận cả về tài liệu lẫn thực tiễn còn nhiều hạn chế, nên luận án khó tránh khỏi khiếm khuyết. Tuy nhiên tác giả mong muốn đóng góp một phần nỗ lực nhỏ bé của mình để góp phần hoàn thiện hơn nữa các quy định của công ty hợp danh nói chung và của Luật Doanh nghiệp nói riêng. Rất mong nhận được sự chia sẻ và đóng góp ý kiến của các thầy cô, đồng nghiệp và bạn bè.